TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE** Số: **507**/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Châu Thành, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 674/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Anh Lưu T, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị H và anh Lưu T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 01 con chung là Lưu Ngọc M, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2007 hiện nay sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, anh T được trực tiếp nuôi con chung; ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh T cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu 50% là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị H nhận chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007188 ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị H được nhận lại số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền